

Doanh nghiệp: **HOA SEN GROUP**

Mã chứng khoán: **HSG**

Địa chỉ: **9 Đại Lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần II - BD**

Mã số thuế: **3 7 0 0 3 8 1 3 2 4**

Tel: **083.9990111**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2015
Từ 01 - 04 - 2015 đến 30 - 06 - 2015
(Báo cáo riêng)

- | | |
|---------------------------------|-------------------|
| - Bảng cân đối kế toán | : Mẫu số B01 - DN |
| - Kết quả hoạt động kinh doanh | : Mẫu số B02 - DN |
| - Lưu chuyển tiền tệ | : Mẫu số B03 - DN |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | : Mẫu số B09 - DN |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Đvt: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-06-2015)	Số đầu kỳ (01-10-2014)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.961.386.529.643	6.494.253.273.944
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	214.027.711.944	138.001.647.603
1	Tiền	111		214.027.711.944	121.301.647.603
2	Các khoản tương đương tiền	112			16.700.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	140.000.000	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121		140.000.000	-
2	DP giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.685.110.344.691	2.049.767.900.951
1	Phải thu khách hàng	131		1.490.052.035.287	1.721.171.369.702
2	Trả trước cho người bán	132		57.049.357.070	153.846.626.940
3	Phải thu nội bộ	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	V.3	141.055.365.411	176.032.958.092
6	DP các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(3.046.413.077)	(1.283.053.785)
IV	Hàng tồn kho	140	V.4	1.663.370.896.514	3.710.663.638.443
1	Hàng tồn kho	141		1.666.215.724.983	3.711.696.909.201
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.844.828.469)	(1.033.270.758)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		398.737.576.494	595.820.086.947
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		63.654.322.887	49.779.479.489
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		325.031.087.464	541.948.513.679
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	3.364.930.565	85.557.805
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		6.687.235.578	4.006.535.974
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.653.137.471.892	3.597.395.807.319
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.6		
4	Phải thu dài hạn khác	218	V.7		
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II	Tài sản cố định	220		3.008.167.864.506	3.006.737.368.454
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.630.816.084.228	2.660.458.487.298
	- Nguyên giá	222		3.900.903.040.391	3.666.617.736.204
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.270.086.956.163)	(1.006.159.248.906)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	103.183.744.535	89.590.148.900
	- Nguyên giá	225		135.252.035.604	111.830.901.311
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(32.068.291.069)	(22.240.752.411)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	266.201.166.601	205.560.432.449
	- Nguyên giá	228		283.550.588.700	221.029.378.600
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17.349.422.099)	(15.468.946.151)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	7.966.869.142	51.128.299.807

Các thuyết minh là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Đvt: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-06-2015)	Số đầu kỳ (01-10-2014)
III	Bất động sản đầu tư	240			
	- Nguyên giá	241			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	556.120.274.759	513.200.232.017
1	Đầu tư vào công ty con	251		513.276.000.000	467.276.000.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		51.952.178.134	44.456.331.634
3	Đầu tư dài hạn khác	258		4.367.000.000	8.640.000.000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(13.474.903.375)	(7.172.099.617)
V	Tài sản dài hạn khác	260		88.849.332.627	77.458.206.848
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	62.887.342.763	55.134.596.953
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		23.949.439.963	20.311.059.994
3	Tài sản dài hạn khác	268		2.012.549.901	2.012.549.901
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.614.524.001.535	10.091.649.081.263

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Đvt: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-06-2015)	Số đầu kỳ (01-10-2014)
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		4.998.105.401.827	7.669.014.734.697
I	Nợ ngắn hạn	310		4.221.057.358.574	6.761.688.243.129
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	3.486.571.083.283	4.749.052.198.420
2	Phải trả người bán	312		441.085.313.012	1.825.290.959.556
3	Người mua trả tiền trước	313		81.684.753.614	58.831.484.853
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	92.597.370.495	33.584.282.621
5	Phải trả người lao động	315		26.715.762.948	31.366.190.372
6	Chi phí phải trả	316	V.17	30.041.113.931	37.809.893.447
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	47.200.192.685	16.505.717.402
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		15.161.768.606	9.247.516.458
II	Nợ dài hạn	330		777.048.043.253	907.326.491.568
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3	Phải trả dài hạn khác	333			
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	772.477.282.003	902.755.730.318
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.570.761.250	4.570.761.250
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.616.418.599.708	2.422.634.346.566
	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	2.616.418.599.708	2.422.634.346.566
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		451.543.290.363	451.543.290.363
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(81.041.028.617)	(81.038.848.436)
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		8.525.313.060	8.525.313.060
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11.915.674.074	13.278.012.117
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.217.567.450.828	1.022.418.679.462
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.614.524.001.535	10.091.649.081.263

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Đvt: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

STT	CHỈ TIÊU	TM	Số cuối kỳ (30-06-2015)	Số đầu kỳ (01-10-2014)
1	Tài sản thuê ngoài			
2	Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3	Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4	Nợ khó đòi đã xử lý			
5	Ngoại tệ các loại			
	- Đồng đô la Mỹ	V.1	2.472.340,98	1.887.802,73
	- Đồng Euro	V.1	227,64	226,09
	- Đồng đô la Úc	V.1	306,85	306,85
6	Dự toán chi hoạt động			

Ngày 20 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Trần Công Tiến

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TRẦN NGỌC CHU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC riêng

Mẫu số B 02 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này từ 01/04/15 đến 30/06/15	Lũy kế từ 01/10/14 đến 30/06/15	Kỳ trước từ 01/04/14 đến 30/06/14	Lũy kế từ 01/10/13 - 30/06/14
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.25	7.325.822.841.213	23.823.277.733.471	6.381.202.589.822	19.792.053.886.105
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.26	5.989.183.506	31.315.069.571	2.591.215.636	6.913.782.776
3.	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.27	7.319.833.657.707	23.791.962.663.900	6.378.611.374.186	19.785.140.103.329
4.	Giá vốn hàng bán	11	V.28	6.695.196.211.391	22.322.458.737.719	5.999.499.691.314	18.729.966.114.335
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		624.637.446.316	1.469.503.926.181	379.111.682.872	1.055.173.988.994
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.29	6.037.984.710	19.413.414.444	10.345.231.863	25.984.480.907
7.	Chi phí tài chính	22	V.30	68.834.133.435	217.431.561.758	51.857.060.290	169.395.998.655
8.	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.379.342.404	133.457.078.978	38.071.842.515	133.703.944.318
9.	Chi phí bán hàng	24	V.33.1	185.066.811.551	515.697.106.295	171.802.329.200	445.024.235.933
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.33.2	95.965.086.532	285.182.103.689	76.059.724.752	237.175.654.631
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		280.809.399.508	470.606.568.883	89.737.800.493	229.562.580.682
12.	Thu nhập khác	31		14.809.372.329	100.129.689.016	34.070.879.382	88.574.093.363
13.	Chi phí khác	32	V.33.3	8.777.533.672	82.369.694.683	16.336.699.125	43.527.884.404
14.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.031.838.657	17.759.994.333	17.734.180.257	45.046.208.959
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		286.841.238.165	488.366.563.216	107.471.980.750	274.608.789.641
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.31	63.140.806.477	117.507.423.691	23.589.510.772	65.093.272.327
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.32	-	3.638.379.969	-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		223.700.431.688	374.497.519.494	83.882.469.978	209.515.517.314
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Công Tiến

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ngày 30 tháng 07 năm 2015



Ghi chú: Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chỉ tiêu và "Mã số".

TRẦN NGỌC CHU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III niên độ 2014 - 2015**Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015**

Mẫu số B 03 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Chỉ tiêu	MS	TM	Kỳ này (01/10/2014- 30/06/2015)	Kỳ trước (01/10/2013- 30/06/2014)
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		488.366.563.216	274.608.789.641
2 Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		276.535.721.863	199.905.190.394
Các khoản dự phòng	03		9.877.720.763	185.970.596
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	04		2.066.055.895	(5.433.467.484)
Thu nhập tiền lãi & cổ tức	05		(2.755.825.856)	(441.135.769)
Chi phí lãi vay	06		133.457.078.978	133.703.944.318
3 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		907.547.314.859	602.529.291.696
Tăng giảm các khoản phải thu	09		513.711.550.817	72.241.386.514
Tăng giảm hàng tồn kho	10		2.045.481.184.218	235.815.750.806
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(1.314.479.164.837)	(513.278.834.327)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(12.343.917.421)	(2.813.907.713)
Tiền lãi vay đã trả	13		(136.311.957.740)	(135.931.234.594)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(84.999.579.483)	(54.932.900.447)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(30.327.187.023)	(42.347.965.085)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.888.278.243.390	161.281.586.850
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(277.102.132.361)	(955.231.006.844)
2 Tiền thu từ TL nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		71.207.321.057	38.068.884.963
3 Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các ĐV khác	24			
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(53.495.846.500)	(12.000.000.000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.273.000.000	6.360.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.755.825.856	1.580.695.769
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(252.361.831.948)	(921.221.426.112)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN	32		(2.180.181)	(1.908.792)
3 Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33		9.212.786.256.880	8.478.770.937.723
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.600.919.401.001)	(7.446.121.747.127)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(28.047.553.624)	(229.731.201)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(143.707.469.175)	(96.547.456.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.559.890.347.101)	935.870.093.903
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		76.026.064.341	175.930.254.641
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		138.001.647.603	163.502.687.316
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		214.027.711.944	339.432.941.957

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 20 tháng 07 năm 2015

Tông Giám đốc
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Trần Công Tiến

Nguyễn Thị Ngọc Lan

TRẦN NGỌC CHU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III niên độ 2014 - 2015

Mẫu số B 09 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 Đăng ký lần đầu ngày 08/08/2001 và điều chỉnh gần đây nhất ngày 24 tháng 02 năm 2015.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại số 9, đại lộ Thống Nhất, khu công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Đến thời điểm 30/06/2015, Công ty đã có 170 chi nhánh, 1 văn phòng đại diện và đầu tư vào 6 công ty con

1. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Quảng Nam
2. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Trảng Bàng
3. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Đắk Lắk
4. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Kontum
5. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cam Ranh
6. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Chơn Thành
7. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Diên Khánh
8. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bồng Sơn
9. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tân Thạnh
10. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Đà Nẵng
11. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phan Rang
12. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tuy Phước
13. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cần Thơ
14. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại An Khê
15. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hà Nội
16. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Gia Nghĩa
17. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phú Tân
18. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại An Biên
19. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Pleiku
20. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Buôn Hồ
21. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Nghệ An
22. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tuy An
23. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Trà Vinh
24. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phụng Hiệp
25. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại thị xã Vĩnh Long
26. Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tuy Hòa

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 27 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phan Rí
- 28 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Vĩnh Thuận
- 29 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Long Xuyên
- 30 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cái Bè
- 31 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bà Rịa - Vũng Tàu
- 32 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cà Mau
- 33 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Vũng Liêm
- 34 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hồng Ngự
- 35 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Châu Thành- Đồng Tháp
- 36 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Vị Thanh
- 37 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cao Lãnh
- 38 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Sóc Trăng
- 39 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Rạch Giá - Kiên Giang
- 40 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Quảng Ngãi
- 41 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Đức Linh - Bình Thuận
- 42 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thủ Thừa - Long An
- 43 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Châu Đốc
- 44 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bình Minh - Vĩnh Long
- 45 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bến Tre
- 46 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bình Chánh
- 47 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thủ Dầu Một
- 48 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Năm Căn
- 49 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bạc Liêu
- 50 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thống Nhất
- 51 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Quận 9
- 52 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phù Cát
- 53 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phù Mỹ
- 54 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tân Thành
- 55 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Kiên Lương
- 56 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hà Tĩnh
- 57 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Huế
- 58 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Chợ Mới
- 59 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Định Quán - Đồng Nai
- 60 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thốt Nốt

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 61 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tri Tôn - An Giang
- 62 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Sơn La
- 63 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tam Nông - Đồng Tháp
- 64 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Gò Dầu - Tây Ninh
- 65 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Châu Thành - Bến Tre
- 66 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bến Cát - Bình Dương
- 67 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Krông Pak - Đắk Lắk
- 68 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hàm Tân
- 69 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Xuyên Mộc
- 70 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thanh Hóa
- 71 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Vĩnh Thạnh
- 72 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Earka
- 73 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Dakmil
- 74 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phan Thiết
- 75 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Ninh Bình
- 76 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cái Răng - Cần Thơ
- 77 . Chi nhánh Số 02 Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thốt Nốt - TP Cần Thơ
- 78 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Châu Thành - Tiền Giang
- 79 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hòa Bình
- 80 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phước Long - Bình Phước
- 81 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phú Giáo
- 82 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Quảng Ninh
- 83 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Sơn Hòa - Phú Yên
- 84 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Yên Bái
- 85 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen - Nhà Máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ
- 86 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hàm Thuận Nam - Bình Thuận
- 87 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phú Thọ
- 88 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hà Nam
- 89 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Ngọc Hồi
- 90 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bim Sơn
- 91 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hưng Yên
- 92 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Nam Định
- 93 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Quảng Bình
- 94 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Quảng Trị

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 95 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cur Jút
- 96 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hải Phòng
- 97 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thái Bình
- 98 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Chư Sê - Gia Lai
- 99 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Vĩnh Phúc
- 100 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bắc Kạn
- 101 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Diên Châu
- 102 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hà Giang
- 103 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Mỹ Hòa - An Giang
- 104 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bến Lức - Long An
- 105 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thái Nguyên
- 106 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Trảng Bom - Đồng Nai
- 107 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tây Ninh
- 108 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bắc Giang
- 109 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bình Đại - Bến Tre
- 110 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thuận An - Bình Dương
- 111 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Dĩ An - Bình Dương
- 112 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tân Châu - Tây Ninh
- 113 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Long Biên - Hà Nội
- 114 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Chương Mỹ - Hà Nội
- 115 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bà Rịa
- 116 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bình Long
- 117 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phúc Thọ - Hà Nội
- 118 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thường Tín - Hà Nội
- 119 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Vĩnh Châu - Sóc Trăng
- 120 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Mộc Châu - Sơn La
- 121 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Ea H'leo - Đắk Lắk
- 122 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hòn Đất - Kiên Giang
- 123 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Ô Môn - Cần Thơ
- 124 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tây Sơn - Bình Định
- 125 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bắc Ninh
- 126 . Chi nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Đoa - Gia Lai
- 127 . Chi nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kiến An - Hải Phòng
- 128 . Chi nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen Tại Lai Châu

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 129 . Chi nhánh số 02 Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cái Răng - Cần Thơ
- 130 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Lộc Ninh - Bình Phước
- 131 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Đoàn Hùng - Phú Thọ
- 132 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Dầu Tiếng - Bình Dương
- 133 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hải Dương
- 134 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Móng Cái - Quảng Ninh
- 135 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Kỳ Anh - Hà Tĩnh
- 136 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tân Long - Hậu Giang
- 137 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cư M'Gar - Đắk Lắk
- 138 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tiểu Cần - Trà Vinh
- 139 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Mai Sơn - Sơn La
- 140 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Phú Quốc - Kiên Giang
- 141 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cái Nước - Cà Mau
- 142 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Tân Biên - Tây Ninh
- 143 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Mộ Đức - Quảng Ngãi
- 144 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Ninh Hòa - Khánh Hòa
- 145 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cư Kuin - Đắk Lắk
- 146 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Yên Khánh - Ninh Bình
- 147 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hải Hậu - Nam Định
- 148 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Dương Kinh - Hải Phòng
- 149 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Chí Linh - Hải Dương
- 150 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Long Hồ - Vĩnh Long
- 151 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Kim Động - Hưng Yên
- 152 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hồng Dân - Bạc Liêu
- 153 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Vĩnh Lợi - Bạc Liêu
- 154 . Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thanh Miện - Hải Dương
- 155 . Chi nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Lục Ngạn - Bắc Giang
- 156 . Chi nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Yên Định - Thanh Hóa
- 157 . Chi nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thái Hòa - Nghệ An
- 158 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại An Nhơn - Bình Định
- 159 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hòn Đất - Kiên Giang
- 160 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hưng Nguyên - Nghệ An
- 161 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Thọ Xuân - Thanh Hóa
- 162 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Hoàng Mai - Nghệ An

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 163 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bát Xát - Lào Cai
- 164 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Nông Cống - Thanh Hóa
- 165 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Triệu Sơn - Thanh Hóa
- 166 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Bù Đốp - Bình Phước
- 167 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Cẩm Thủy - Thanh Hóa
- 168 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Long Mỹ - Hậu Giang
- 169 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Điện Biên
- 170 . Chi Nhánh Công Ty CP Tập Đoàn Hoa Sen tại Krong Ana - Đắk Lắk

- CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN

Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

- CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ CƠ KHÍ HOA SEN

Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

- CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, H.Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

- CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Lô A1.1 và TT6.2 & 7 Khu Công Nghiệp Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, Tx. An Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

- CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN NGHỆ AN

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

- CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NGHỆ AN

Địa chỉ: Lô CN 1-8 Khu công nghiệp Đông Hối, X. Quỳnh Lập, TX. Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

Cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ **1.007.907.900.000 VNĐ**

Số lượng cổ phiếu **100.790.790 cổ phiếu**

2- Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và thương mại

3- Ngành nghề kinh doanh

Mục tiêu và phạm vi hoạt động kinh doanh Công ty là :

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống kế toán Việt Nam

2- Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Sổ sách kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành bởi Bộ Tài Chính như sau :

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 1
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 2
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 3
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 4
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 5
- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ sách kế toán: chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
- Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNHBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**Quý III niên độ 2014 - 2015****Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)***2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được thể hiện theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì thể hiện theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình
Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng.
Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:
 - (a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
 - (b) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
 - (c) Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
 - (d) Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành
 Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình phải thỏa mãn đồng thời
 - Định nghĩa về tài sản cố định vô hình và;
 - Bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận của tài sản cố định hữu hình
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình và thuê tài chính)
Khấu hao tài sản cố định được tính trừ vào nguyên giá theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản, tỉ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Thời gian khấu hao bình quân ước tính theo nhóm tài sản như sau:

• Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 40 năm
• Máy móc thiết bị	06 - 12 năm
• Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
• Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
• TSCĐ hữu hình khác	03 - 05 năm
• Quyền sử dụng đất	07 - 48 năm
• Phần mềm kế toán, quản lý	3 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác
Chi phí trả trước dài hạn được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước về thuê nhà xưởng, nhà kho văn phòng cho một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe....) và các loại lệ phí mua và trả một lần trong năm; công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công thời cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước
Phương pháp phân bổ chi phí trả trước theo phương pháp đường thẳng

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ chưa phát sinh

6- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu
Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá quy định được ghi nhận vào khoản mục doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

7- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm điều kiện sau:
 - (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
 - (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
 - (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau :
 - (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
 - (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia
Thu nhập khác được thể hiện trong báo cáo tài chính bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu
 - Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
 - Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
 - Các khoản thu khác

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí lãi vay phát sinh có liên quan đến các khoản vay dùng để đầu tư hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực "Chi phí đi vay"

Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá quy định được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quý III niên độ 2014 - 2015

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

9- Nguyên tắc ghi nhận phải thu thương mại

Khoản phải thu được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải thu thương mại từ khách hàng và các khoản công nợ khác bao gồm cả những khoản công nợ khó đòi.

10- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải trả cho nhà cung cấp và các khoản công nợ phải trả khác

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 18% và 8% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm y tế được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 3% và 1,5% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 1% và 1% trừ vào lương cán bộ công nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III niên độ 2014 - 2015

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1- Tiền	30/06/2015	01/10/2014
- Tiền mặt	15.014.759.101	18.919.893.997
- Tiền gửi ngân hàng	199.005.952.843	102.381.753.606
- Tiền đang chuyển	7.000.000	-
- Các khoản tương đương tiền		16.700.000.000
Cộng	214.027.711.944	138.001.647.603
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	30/06/2015	01/10/2014
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	140.000.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	140.000.000	-
3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2015	01/10/2014
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động		
- Các khoản phải thu khác:	141.055.365.411	176.032.958.092
Cộng	141.055.365.411	176.032.958.092
4- Hàng tồn kho	30/06/2015	01/10/2014
- Hàng mua đang đi trên đường	35.062.015.154	1.492.842.901.982
- Nguyên liệu, vật liệu	138.206.001.535	207.712.164.971
- Công cụ, dụng cụ	188.555.931.830	171.641.780.379
- Chi phí SX, KD dở dang	-	-
- Thành phẩm	1.126.257.099.430	1.617.607.372.114
- Hàng hóa	160.865.707.319	204.623.720.040
- Hàng hóa bất động sản	17.268.969.715	17.268.969.715
- Hàng gửi đi bán		
Cộng giá gốc	1.666.215.724.983	3.711.696.909.201
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.844.828.469)	(1.033.270.758)
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:		
* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ:		
* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:		
5- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	30/06/2015	01/10/2014
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	3.364.930.565	85.557.805
Cộng	3.364.930.565	85.557.805

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III niên độ 2014 - 2015

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

6- Các khoản phải thu dài hạn nội bộ

- + Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc -
- + Phải thu nội bộ khác

7- Phải thu dài hạn khác

30/06/2015

01/10/2014

- Ký quỹ ký cược dài hạn
- Các khoản tiền nhận ủy thác
- Phải thu dài hạn khác

Cộng

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ	604.561.707.949	2.943.894.811.756	88.038.711.391	11.469.809.617	18.652.695.491	3.666.617.736.204
* Mua trong kỳ	311.185.610	54.318.924.436	6.779.973.351	671.618.000	168.002.350	62.249.703.747
* Đầu tư XDCB hoàn thành	12.855.348.384	116.930.153.702	114.361.725.306	-	-	244.147.227.392
* Tăng khác	-	-	-	-	-	-
* Chuyển sang BĐS đầu tư						-
* Thanh lý, nhượng bán	-	72.111.626.952	-	-	-	72.111.626.952
* Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	617.728.241.943	3.043.032.262.942	209.180.410.048	12.141.427.617	18.820.697.841	3.900.903.040.391
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	145.279.994.340	815.486.703.367	35.731.449.549	1.665.562.545	7.995.539.105	1.006.159.248.906
* Khấu hao trong kỳ	27.433.600.544	222.820.221.028	10.960.790.442	1.533.767.345	2.079.327.898	264.827.707.257
* Tăng khác						-
* Chuyển sang BĐS đầu tư						-
* Thanh lý, nhượng bán	-	900.000.000	-	-	-	900.000.000
* Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	172.713.594.884	1.037.406.924.395	46.692.239.991	3.199.329.890	10.074.867.003	1.270.086.956.163
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
* Tại ngày đầu kỳ	459.281.713.609	2.128.408.108.389	52.307.261.842	9.804.247.072	10.657.156.386	2.660.458.487.298
* Tại ngày cuối kỳ	445.014.647.059	2.005.625.338.547	162.488.170.057	8.942.097.727	8.745.830.838	2.630.816.084.228

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III niên độ 2014 - 2015

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

9- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ thuê tài chính khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC		-			-
Số dư đầu kỳ	101.664.537.676	10.166.363.635			111.830.901.311
- Thuê tài chính trong kỳ	13.254.770.658	10.166.363.635			23.421.134.293
- Mua lại TSCĐ thuê tài					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	114.919.308.334	20.332.727.270		-	135.252.035.604
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu kỳ	22.141.910.569	98.841.842			22.240.752.411
- Khấu hao trong kỳ	8.363.143.140	1.464.395.518			9.827.538.658
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					-
Số dư cuối kỳ	30.505.053.709	1.563.237.360			32.068.291.069
Giá trị còn lại của TSCĐ					-
- Tại ngày đầu kỳ	79.522.627.107	10.067.521.793			89.590.148.900
- Tại ngày cuối kỳ	84.414.254.625	18.769.489.910			103.183.744.535

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm ;

- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản.

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	219.684.620.889			1.344.757.711		221.029.378.600
* Mua trong kỳ	62.521.210.100			-		62.521.210.100
* Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						
* Tăng do hợp nhất kinh doanh						
* Thanh lý, nhượng bán	-			-		-
* Giảm khác	-			-		-
Số dư cuối kỳ	282.205.830.989	-	-	1.344.757.711	-	283.550.588.700
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	14.124.188.440			1.344.757.711		15.468.946.151
* Khấu hao trong kỳ	1.880.475.948			-		1.880.475.948
- Thanh lý, nhượng bán	-			-		-
- Giảm khác	-			-		-
Số dư cuối kỳ	16.004.664.388	-	-	1.344.757.711		17.349.422.099
Giá trị còn lại của TSCĐVH						
* Tại ngày đầu kỳ	205.560.432.449	-	-	-	-	205.560.432.449
* Tại ngày cuối kỳ	266.201.166.601	-	-	-	-	266.201.166.601

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác theo yêu cầu của Chuẩn mực kế toán số 04 " TSCĐ vô hình"

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III niên độ 2014 - 2015

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/06/2015	01/10/2014
11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
- Chi phí XDCCB dở dang	7.966.869.142	51.128.299.807
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Mua sắm MMTB tại các chi nhánh Hoa Sen Group	2.561.166.531	46.456.747.888
+ Xây dựng tại các chi nhánh Hoa Sen Group	1.983.552.327	2.097.875.574
+ Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.422.150.284	2.573.676.345
Cộng	7.966.869.142	51.128.299.807
13- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:		
+ Đầu tư cổ phiếu		
+ Đầu tư trái phiếu		
+ Đầu tư vào công ty con	513.276.000.000	467.276.000.000
+ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	51.952.178.134	44.456.331.634
+ Đầu tư dài hạn khác	4.367.000.000	8.640.000.000
+ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(13.474.903.375)	(7.172.099.617)
Cộng	556.120.274.759	513.200.232.017
14- Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Khác	62.887.342.763	55.134.596.953
Cộng	62.887.342.763	55.134.596.953
15- Vay và nợ ngắn hạn		
- Vay ngắn hạn	3.251.664.484.312	4.556.414.751.312
- Vay dài hạn đến hạn trả	221.114.749.320	178.490.520.160
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	13.791.849.651	14.146.926.948
Cộng	3.486.571.083.283	4.749.052.198.420
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	27.164.359.619	2.200.406.997
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.094.038.992	30.586.194.784
- Các loại thuế khác	2.338.971.884	797.680.840
Cộng	92.597.370.495	33.584.282.621
17- Chi phí phải trả		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Khác	30.041.113.931	37.809.893.447
Cộng	30.041.113.931	37.809.893.447

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III niên độ 2014 - 2015

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/06/2015	01/10/2014
18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Tài sản thừa chờ xử lý		-
- Bảo hiểm y tế	828.200	116.297.100
- Bảo hiểm xã hội	2.161.089.800	1.187.783.600
- Bảo hiểm thất nghiệp	150.429.200	118.462.000
- Kinh phí công đoàn	359.846.200	280.906.200
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.527.999.285	14.802.268.502
Cộng	47.200.192.685	16.505.717.402
19- Phải trả dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ về cấp vốn		-
Cộng		-
20- Các khoản vay và nợ dài hạn	30/06/2015	01/10/2014
a- Vay dài hạn	726.896.860.151	850.824.470.023
- Vay ngân hàng	726.896.860.151	850.824.470.023
b- Nợ dài hạn	45.580.421.852	51.931.260.295
- Thuê tài chính	41.088.662.412	41.179.253.015
- Nợ dài hạn	4.491.759.440	10.752.007.280
Cộng	772.477.282.003	902.755.730.318

* Các khoản nợ thuê tài chính

	Kỳ nay			Kỳ trước		
	Tổng khoản t toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản t toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm	22.139.730.066	3.750.597.198	18.389.132.868	17.997.474.657	3.850.547.709	14.146.926.948
Từ 1-5 năm	41.374.319.168	4.882.939.973	36.491.379.195	47.621.513.354	6.442.260.339	41.179.253.015
Trên 5 năm				-		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III niên độ 2014 - 2015

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	2	3	4	5	6	8	9
Số dư đầu năm trước (01/10/2013)	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.035.546.498)			8.525.313.060	2.007.734.351	879.156.291.073
- Lợi nhuận tăng trong năm trước								396.110.329.389
- Chi trả cổ tức			(3.301.938)					192.626.196.000
- Mua lại cổ phiếu quỹ								23.233.584.000
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi							36.988.161.000	36.988.161.000
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn CSH							(25.717.883.234)	
- Sử dụng quỹ khác thuộc vốn CSH								
Số dư cuối năm trước (30/09/2014)	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	-	-	8.525.313.060	13.278.012.117	1.022.418.679.462
Số dư đầu kỳ này (01/10/2014)	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	-	-	8.525.313.060	13.278.012.117	1.022.418.679.462
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này								374.497.519.494
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu							18.465.406.480	18.465.406.480
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi								16.413.694.648
- Mua cổ phiếu ngân quỹ								144.469.647.000
- Chia cổ tức			(2.180.181)					
- Phí lưu ký chứng khoán								
- Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu							(19.827.744.523)	
Số dư cuối kỳ này (30/06/2015)	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.041.028.617)	-	-	8.525.313.060	11.915.674.074	1.217.567.450.828

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III niên độ 2014 - 2015

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
- Vốn đầu tư của Nhà nước						
- Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	1.007.907.900.000			1.007.907.900.000		
- Thặng dư vốn cổ phần						
Cộng						

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

30/06/2015

01/10/2014

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

1.007.907.900.000

1.007.907.900.000

+ Vốn góp tăng trong năm

-

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

1.007.907.900.000

1.007.907.900.000

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

144.469.647.000

-

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Kỳ này (từ 01-04-2015
đến 30-06-2015)

Kỳ trước (từ 01-04-2014
đến 30-06-2014)

25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

7.325.822.841.213

6.381.202.589.822

Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng

7.325.822.841.213

6.381.202.589.822

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Doanh thu hợp đồng xây dựng

26- Các khoản giảm trừ doanh thu

5.989.183.506

2.591.215.636

+ Chiết khấu thương mại

2.850.078.751

518.049.404

+ Giảm giá hàng bán

1.087.634.007

603.589.784

+ Hàng bán bị trả lại

2.051.470.748

1.469.576.448

+ Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt

+ Thuế xuất khẩu

27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

7.319.833.657.707

6.378.611.374.186

Trong đó: + Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa

7.319.833.657.707

6.378.611.374.186

+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III niên độ 2014 - 2015

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Kỳ này (từ 01-04-2015 đến 30-06-2015)	Kỳ trước (từ 01-04-2014 đến 30-06-2014)
28- Giá vốn hàng bán	6.695.196.211.391	5.999.499.691.314
29- Doanh thu tài chính	6.037.984.710	10.345.231.863
30- Chi phí tài chính		
* Lãi vay	38.379.342.404	38.071.842.515
* Chênh lệch tỷ giá	30.454.791.031	13.785.217.775
Cộng	68.834.133.435	51.857.060.290
31- Chi phí thuế TNDN	63.140.806.477	23.589.510.772
32- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
33- Chi phí hoạt động kinh doanh	Kỳ này (từ 01-04-2015 đến 30-06-2015)	Kỳ trước (từ 01-04-2014 đến 30-06-2014)
33.1 Chi phí bán hàng	185.066.811.551	171.802.329.200
33.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	95.965.086.532	76.059.724.752
33.3 Chi phí khác	8.777.533.672	16.336.699.125

VI - Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty con, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong quý III niên độ 2014 - 2015, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ	Kỳ này (từ 01-04-2015 đến 30-06-2015)	Kỳ trước (từ 01-04-2014 đến 30-06-2014)
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	1.802.440.417.870	1.513.587.430.270
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	923.441.332.570	921.615.765.170
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	3.758.755.885	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	69.519.737.251	-
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen Nghệ An	158.546.184.018	-
Công ty TNHH Đầu Tư và Du Lịch Hoa Sen	471.045.898.126	-

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ	Kỳ này (từ 01-04-2015 đến 30-06-2015)	Kỳ trước (từ 01-04-2014 đến 30-06-2014)
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	2.716.530.518.042	3.294.193.849.880
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	892.018.912.610	709.342.951.047
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	21.552.384.692	2.147.495.890
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	152.073.880.164	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Nghệ An	92.674.126.285	-

iii) Bán tài sản cố định	Kỳ này (từ 01-04-2015 đến 30-06-2015)	Kỳ trước (từ 01-04-2014 đến 30-06-2014)
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	6.097.416.860	14.165.454.545

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III niên độ 2014 - 2015

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Kỳ này (từ 01-04-2015 đến 30-06-2015)	Kỳ trước (từ 01-04-2014 đến 30-06-2014)
iv) Mua tài sản cố định		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	-	10.000.000
v) Các giao dịch khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Bán khác	-	-
Mua khác	71.256.557	2.693.145
Trả lại hàng mua	-	-
Hàng bán bị trả lại / giảm giá	-	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen		
Bán khác	1.761.371.589	-
Mua khác	-	-
Trả lại hàng mua	132.744.337	-
Hàng bán bị trả lại / giảm giá	806.513.940	-
Công ty TNHH Đầu Tư và Du Lịch Hoa Sen		
Bán khác	3.272.727	-
Mua khác	-	-
Trả lại hàng mua	-	-
Hàng bán bị trả lại / giảm giá	4.861.872	-
vi) Các khoản chi các nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	267.000.000	256.000.000
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	1.984.184.000	2.017.679.539
b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan		
i) Phải thu khách hàng	30/06/2015	01/10/2014
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	223.750.345.150	413.269.247.273
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	497.316.210.193	709.027.555.064
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Cơ Khí Hoa Sen	6.789.640.000	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	5.179.333.684	2.390.945.956
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen Nghệ An	85.336.730.393	-
Công ty TNHH Đầu Tư và Du Lịch Hoa Sen	190.624.935.300	-
ii) Trả trước cho người bán	30/06/2015	01/10/2014
Hoàng Đức Huy (P.Tổng Giám đốc) - Ứng trước tiền mua đất	-	90.183.227.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III niên độ 2014 - 2015

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2015 đến 30-06-2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/06/2015	01/10/2014
iii) Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	435.413.460	115.440.032.229
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	46.126.688.336
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	815.850	1.941.634.189
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Nghệ An	1.000.700.350	
Hoàng Đức Huy (P.Tổng Giám đốc) - Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	
iv) Phải trả người bán		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	-	4.100.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	22.517.084.065	3.405.308.388
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	29.613.807.552	
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Nghệ An	119.739.390	
Công ty TNHH Đầu Tư và Du Lịch Hoa Sen	53.207.061	
v) Phải trả khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	67.899.200	49.291.849
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	415.318.735	22.969.400
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	24.400.000	2.100.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	39.188.775	
DNTN Kinh doanh Bất Động Sản Hương Sen	1.000.000.000	
vi) Vay ngắn hạn		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	9.460.000.000	11.400.000.000

VII- Những thông tin khác

- 1- Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có
- 2- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước):
Các nguyên nhân
- 3- Những thông tin khác:

Ngày 20 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Công Tiên

Nguyễn Thị Ngọc Lan

TRẦN NGỌC CHU

